

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG KHUNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC MĨ THUẬT CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MĨ THUẬT TRONG CÁC HỌC PHẦN HÌNH HỌA Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Phạm Đình Bình⁺,
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: binhpd@hnue.edu.vn

Article history

Received: 10/11/2024

Accepted: 31/12/2024

Published: 20/02/2025

Keywords

Competence assessment,
assessment framework for
fine art competence,
assessment criteria for visual
arts, Fine art education
majors

ABSTRACT

Assessment of artistic competence in the Drawing course is critical to career orientation and development for students majoring in Fine Arts Education at universities. Based on the objectives, contents and characteristics of the Drawing course in the Fine Arts Education Curriculum at universities, the article presents the principles and procedures for developing a Fine Arts competency framework in Drawing courses as well as a framework for assessing fine art competency in daily drawing exercises, mid-term and final drawing exams for accurate and objective assessment results. The criteria are consistent with the output standards of the course and the overall curriculum. Thus, lecturers can flexibly apply them in organizing teaching, testing and assessing fine arts competency of students majoring in Fine Arts Education at universities.

1. Mở đầu

Trong chương trình đào tạo sinh viên (SV) ngành Sư phạm Mỹ thuật (SPMT), các học phần Hình họa (HPHH) có vị trí quan trọng góp phần tạo nền tảng khoa học thị giác cho SV, giúp SV biết quan sát và nhận thức sâu hơn về môi trường xung quanh, phát triển ngôn ngữ tạo hình, khả năng biểu hiện các đối tượng trong đời sống và thiên nhiên. Thông qua nghiên cứu Hình họa, SV phát triển khả năng phân tích, cảm nhận và kĩ năng diễn tả hình, khối, không gian, ánh sáng, chất cảm... Năng lực mỹ thuật (NLMT) được hình thành trong các HPHH là một trong những năng lực thuộc chuẩn đầu ra của SV ngành SPMT. Hình thành và phát triển NLMT giúp SV có nền tảng chuyên môn vững vàng từ lí thuyết đến thực hành cũng như khả năng phân tích, diễn giải được các vấn đề tạo hình trên sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. Đánh giá NLMT trong các có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu ra cũng như mục tiêu của môn học. Việc xây dựng khung đánh giá NLMT cho SV ngành SPMT trong các HPHH góp phần đảm bảo quá trình kiểm tra đạt độ tin cậy, độ giá trị và hiệu quả, đồng thời, hỗ trợ hoạt động đánh giá NLMT diễn ra một cách khách quan, công bằng và chính xác. Tác giả Hsiao-Ying (2022) đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực vẽ hình họa dựa trên 8 tiêu chí chính, được sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó như: Khả năng thể hiện đường viền ngoài rõ ràng, khả năng phân tích cấu trúc bên trong của vật thể, sử dụng tông màu và bóng đổ để tạo khối và chiều sâu cho bức tranh, khả năng sắp xếp bố cục hài hòa. Tuy nhiên, nghiên cứu này mới tập trung ở giá sản phẩm thực hành mà chưa thể hiện đầy đủ các năng lực khác của NLMT. Các tác giả Mindy (2023), Eisner (2020) khi nghiên cứu về đánh giá trong nghệ thuật thị giác đã trình bày các căn cứ, hình thức, công cụ đánh giá cũng như tiêu chí đánh giá được sử dụng trong đánh giá thường xuyên và định kì; tuy nhiên các nghiên cứu này chưa đưa ra khung NLMT cụ thể cho bài hình họa. Ở trong nước, một số giáo trình Hình họa của Triệu Khắc Lễ (2004), Phạm Đình Bình (2021) đã bước đầu đưa ra các tiêu chí đánh giá cho sản phẩm bài hình họa của SV. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam - Viện Mỹ thuật (2010) đã có nhiều bài nghiên cứu của các họa sĩ, nhà nghiên cứu, nhà giáo dục mỹ thuật khẳng định vai trò quan trọng của hình họa trong đào tạo và sáng tác mỹ thuật, đề cập chương trình, giáo trình dạy học Hình họa, đồng thời chỉ ra những bất cập trong dạy học Hình họa cũng như đưa ra giải pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn học này, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào đề cập đến đánh giá NLMT của SV.

Như vậy, có thể thấy, nghiên cứu về đánh giá trong nghệ thuật thị giác và hình họa nói chung đã được nhiều tác giả quan tâm nhưng hiện nay chưa có nghiên cứu riêng về xây dựng khung đánh giá NLMT cho SV trong HPHH. Trong bài báo này, chúng tôi tập trung làm rõ khái niệm NLMT trong học hình họa, xây dựng khung đánh giá NLMT của SV ngành SPMT trong các HPHH nhằm hướng đến thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học

tập theo hướng phát triển năng lực người học, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học cho các HPHH nói riêng và chất lượng đào tạo GV SPMT nói chung.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm về năng lực mỹ thuật

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, NLMT bao gồm các thành phần năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ; các năng lực này được hình thành thông qua quá trình trải nghiệm nghệ thuật, giáo dục cho người học ý thức tôn trọng, kế thừa giá trị văn hoá, nghệ thuật dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mỹ thời đại, phát huy tinh thần sáng tạo phù hợp với sự phát triển xã hội (Bộ GD-ĐT, 2018).

Theo Chương trình đào tạo ngành SPMT Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2022), NLMT là tổng hòa các năng lực thành phần bao gồm năng lực hiểu và sử dụng được hệ thống lí luận, lí thuyết nghệ thuật, năng lực thực hành sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, phân tích, diễn giải được các yếu tố, nguyên lí tạo hình trên sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. Chúng tôi cho rằng: NLMT là khả năng quan sát, cảm thụ, sáng tạo và đánh giá sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của cá nhân trên cơ sở hiểu biết về nghệ thuật tạo hình nhằm giải quyết hiệu quả các yêu cầu trong học tập và trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật. NLMT bao gồm các thành phần: *Năng lực quan sát, cảm nhận/cảm thụ thẩm mỹ; Năng lực tư duy sáng tạo; Năng lực vận dụng thực hành sáng tạo sản phẩm, tác phẩm; Năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ.*

Theo nhóm nghiên cứu, NLMT của SV trong các HPHH là tập hợp các kĩ năng quan sát, phân tích, cảm thụ đối tượng mẫu vẽ, kĩ năng vẽ chính xác vật thể trong không gian lên mặt phẳng hai chiều theo quy luật thị giác đồng thời có khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng vẽ hình họa vào học tập, sáng tác và dạy học.

2.2. Mục tiêu, nội dung, đặc điểm của học phần Hình họa trong chương trình ngành Sư phạm mỹ thuật ở trường đại học

- *Mục tiêu của HPHH*: + Cung cấp cho SV hệ thống lí thuyết chung, các quy trình, phương pháp thực hành môn học nói chung và mỗi HPHH nói riêng; + Giúp SV phát triển các kĩ năng quan sát và phân tích, so sánh tìm ra cái đẹp tỉ lệ, hình, khối, đậm, nhạt, màu sắc, chất cảm của đối tượng mẫu thực tế từ đó tạo nền tảng vững chắc cho các môn học chuyên ngành khác; + Nâng cao kĩ năng vẽ và tư duy tạo hình qua việc vận dụng các kiến thức về tạo hình vào trong thực hành diễn đạt các yếu tố tạo hình, kĩ thuật chất liệu trên các bài hình họa cơ bản và nâng cao (khối, tĩnh vật, tượng, người thật); + Rèn luyện cảm quan thẩm mỹ thông qua hiểu biết, tư duy, thể hiện cái đẹp về tỉ lệ, cấu trúc hình, khối trên các bài vẽ hình họa; - Nắm được các phương pháp giảng dạy, truyền đạt kiến thức, hướng dẫn thực hành vẽ hình họa từ giảng viên qua đó hình thành, phát triển các phương pháp, kĩ năng dạy học trong tương lai; + Nhận thức được tầm quan trọng của hình họa, từ đó có thái độ tích cực tự nghiên cứu, rèn luyện thường xuyên HPHH và các môn học khác thuộc chuyên ngành. Những mục tiêu trên nhằm xây dựng nền tảng mỹ thuật vững chắc để SV có thể đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình cũng như yêu cầu của giáo dục mỹ thuật trong tương lai (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2022).

- *Nội dung của HPHH* trong chương trình đào tạo SV ngành SPMT ở trường đại học thường được xây dựng theo tiến trình từ Hình họa cơ bản đến Hình họa nâng cao. Cụ thể: + *Hình họa cơ bản*: là những học phần đầu tiên trong chương trình môn học hình họa, các học phần này giúp SV xây dựng nền tảng vững chắc về các kĩ năng như quan sát, phân tích đối tượng mẫu và kĩ năng biểu đạt đơn giản trong vận dụng thực hành các bài vẽ. Tùy từng chương trình sẽ có yêu cầu cụ thể về các nội dung chuyên môn, đối tượng, chất liệu nghiên cứu và số lượng các bài cho mỗi học phần. Thông thường, hình họa cơ bản được diễn ra trong 2 đến 3 học phần, mỗi học phần là 2 tín chỉ; + *Hình họa nâng cao*: SV được phát triển sâu hơn về kiến thức, kĩ năng. Các bài tập nghiên cứu đối tượng mẫu đa dạng, phức tạp hơn về hình dạng, cấu trúc và kĩ thuật chất liệu. Bên cạnh đó yếu tố sáng tạo và biểu đạt mang tính cá nhân cũng được khuyến khích và áp dụng ở trong các HPHH nâng cao (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2022).

- *Đặc điểm của HPHH* thường liên quan đến mẫu vẽ, đó có thể là đồ vật, tượng người hoặc người thật để SV thực hành nghiên cứu. Dựa trên quá trình quan sát và nghiên cứu đối tượng mẫu, các đặc điểm tiêu biểu và thẩm mỹ nhất về cấu trúc, hình dáng, màu sắc, ánh sáng, độ đậm nhạt cũng như bố cục không gian được nhận diện, từ đó hình thành ý tưởng về bố cục, hình tượng, ... cần biểu đạt trên bài vẽ hình họa của mình. Nhờ vậy, trong tư duy của người học sẽ hình thành một hình ảnh rõ ràng và hoàn thiện nhất về đối tượng mẫu (Vũ Dương Công & Chu Thị Kim Định, 2022). Các kĩ năng xây dựng bố cục bằng mảng, hình đúng cấu trúc, tỉ lệ là nền tảng trong vẽ hình họa, giúp SV tạo ra những hình tượng mẫu hài hòa và cân đối cho bố cục bài vẽ. Người học cần hiểu và khai thác được đặc tính của từng loại chất liệu trong vẽ hình họa để tạo nên các hiệu ứng khác nhau về đậm nhạt, chất cảm... Việc sử dụng các họa cụ như bút chì, bút than, màu các loại, giấy, vải và một số các họa cụ khác cũng là một yếu tố tạo nên hiệu quả cho bài hình họa.

Bên cạnh đó, rèn luyện kỹ năng tự phân tích, nhận xét đánh giá bài vẽ của mình và của bạn theo các tiêu chí về bố cục, hình, khối, đậm nhạt, màu sắc, chất cảm, ... cũng rất quan trọng đối với SV. Khả năng phản hồi này giúp người học cải thiện, hoàn thiện các kỹ năng tư duy và thực hành vận dụng sáng tạo của mình qua mỗi bài hình họa khác nhau. Kiểm tra, đánh giá trong học các HPHH hiện nay được thực hiện theo hai hình thức đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên chiếm tỉ trọng 10% tổng số điểm đánh giá dựa trên ý thức tham gia học tập, chuẩn bị bài học của SV. Đánh giá định kỳ được thực hiện vào giữa kì và cuối kì trong đó điểm giữa kì chiếm tỉ trọng 30%, điểm cuối kì chiếm tỉ trọng 60% (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2022). Hình thức bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ chủ yếu là bài thực hành của SV.

2.3. Nguyên tắc và quy trình xây dựng khung năng lực Mĩ thuật trong học phần Hình họa

2.3.1. Nguyên tắc xây dựng khung năng lực mĩ thuật trong học phần Hình họa

Việc xây dựng khung NLMT trong các HPHH cần dựa trên một số nguyên tắc cơ bản: - *Phù hợp với mục tiêu đào tạo*: khung NLMT cần phù hợp với mục tiêu của chương trình môn học, giúp người học đạt được những kiến thức, kỹ năng thực hành tư duy, vận dụng sáng tạo cần thiết trong môn học hình họa; - *Đảm bảo tính hệ thống và logic*: Các năng lực cần được sắp xếp một cách logic và có hệ thống, từ cơ bản đến nâng cao và theo lộ trình phát triển, giúp người học từng bước nâng cao kiến thức, hoàn thiện các kỹ năng xây dựng bố cục, hình, khối, đậm nhạt, màu sắc, ... và biểu đạt cảm xúc; - *Đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng*: Khung năng lực cần đảm bảo tính linh hoạt để có thể điều chỉnh theo sự thay đổi nội dung chương trình, nhu cầu người học, môi trường học tập, công nghệ thời đại. Các yếu tố này cần được tích hợp để phù hợp với xu hướng và đáp ứng nhu cầu xã hội; - *Đảm bảo tính vận dụng thực hành sáng tạo*: HPHH chủ yếu yêu cầu SV rèn luyện các kỹ năng thông qua vận dụng thực hành, do đó khung năng lực cần nhấn mạnh vào các vấn đề mang tính vận dụng thực hành để SV không chỉ nắm vững được lí thuyết mà còn có thể vận dụng lí thuyết vào trong thực hành sáng tạo sản phẩm và rèn luyện thường xuyên; - *Đảm bảo đo lường và đánh giá được*: Mỗi năng lực trong khung năng lực được xây dựng để có thể đánh giá và đo lường được. Các tiêu chí đánh giá phải rõ ràng, cụ thể và có thể quan sát được để giúp giảng viên đánh giá đúng mức độ phát triển của SV, từ đó có thể điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật giảng dạy phù hợp; - *Đảm bảo tính phát triển tư duy sáng tạo*: Khung năng lực không chỉ dừng lại ở việc phát triển kĩ năng mà còn phải khuyến khích SV tư duy sáng tạo và khả năng biểu đạt ý tưởng qua bài hình họa, từ đó phát triển năng lực sáng tạo và tư duy nghệ thuật; - *Khuyến khích tự học và phát triển lâu dài*: Khung năng lực cần hướng tới việc phát triển khả năng tự học và tự hoàn thiện của SV. Điều này giúp SV không chỉ đạt được các NLMT cần thiết trong khóa học mà còn có thể phát triển và mở rộng năng lực của mình sau khi kết thúc mỗi học phần, môn học (Lê Thanh Hà, 2021). Những nguyên tắc trên đảm bảo xây dựng một khung NLMT có tính toàn diện và hiệu quả trong các HPHH, đảm bảo SV được phát triển đồng thời cả kiến thức, kĩ năng và tư duy sáng tạo.

2.3.2. Quy trình xây dựng khung năng lực mĩ thuật trong các HPHH

Trên cơ sở nghiên cứu chương trình đào tạo đại học ngành SPMT (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2022), tiếp cận các nghiên cứu của Hoàng Thị Chiên (2019), Nguyễn Thị Hồng Thắm và cộng sự (2024), chúng tôi xác định các bước xây dựng khung NLMT trong các HPHH:

- *Bước 1. Xác định mục tiêu và yêu cầu cần đạt (chuẩn đầu ra) của chương trình môn học, các học phần cụ thể.* Làm rõ mục tiêu chính của các HPHH, bao gồm việc phát triển khả năng quan sát, kĩ năng, kĩ thuật thể hiện, tư duy sáng tạo, khả năng nhận xét đánh giá, vận dụng vào môn học và cuộc sống. Xác định rõ các yêu cầu cần đạt về năng lực mà SV cần đạt được khi hoàn thành học phần, môn học;

- *Bước 2. Phân tích các năng lực cần thiết trong HPHH.* Xác định các năng lực cốt lõi mà SV cần phát triển như năng lực quan sát, nhận xét đánh giá đối tượng, năng lực xây dựng hình, khối, đậm nhạt, màu sắc, không gian và khả năng sáng tạo. Mỗi năng lực cốt lõi cần được phân tích, chia nhỏ thành các năng lực cụ thể, chẳng hạn như xây dựng bố cục, cấu trúc hình, vẽ đậm nhạt tạo khối hoặc sử dụng chất liệu, ...;

- *Bước 3. Thiết kế cấu trúc khung năng lực.* Trước tiên phải sắp xếp các năng lực theo lộ trình phát triển từ năng lực cơ bản đến năng lực nâng cao giúp học viên phát triển từng bước. Xác định mức độ năng lực thường được chia ở 4 cấp độ như Biết - Hiểu - Vận dụng - Vận dụng cao cho từng năng lực, giúp giảng viên dễ dàng theo dõi và đưa ra nhận xét, đánh giá sự tiến bộ của SV;

- *Bước 4. Xây dựng các tiêu chí đánh giá.* Các tiêu chí được thiết lập ở từng năng lực cần phải rõ ràng cho từng kĩ năng và có thể đo lường được năng lực của SV. Để đánh giá chính xác NLMT của SV phải sử dụng các công cụ, phương pháp đánh giá phù hợp nhằm đo lường mức độ đạt được của SV đối với các năng lực đã xác định;

- *Bước 5. Thử nghiệm và lấy ý kiến phản hồi.* Áp dụng thử nghiệm vào một số lớp học để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của nó trong thực tế. Tiếp theo tổ chức thu thập các ý kiến phản hồi từ giảng viên, SV về sự phù hợp, tính hiệu quả và những điểm cần cải tiến trong khung năng lực;

- *Bước 6. Điều chỉnh và hoàn thiện khung năng lực.* Cần phân tích các ý kiến phản hồi đã thu thập được trước sau đó điều chỉnh lại các tiêu chí trong khung năng lực để phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của SV và yêu cầu của chương trình. Sau khi điều chỉnh cần hoàn thiện, chuẩn hóa khung năng lực để áp dụng chính thức trong đánh giá các HPHH;

- *Bước 7. Triển khai và đánh giá định kì.* Việc triển khai khung năng lực vào trong thực tiễn giảng dạy là vô cùng cần thiết và cần được định kì đánh giá, cải tiến. Định kì đánh giá lại khung năng lực dựa trên sự phát triển của SV và những thay đổi trong yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp, từ đó tiếp tục điều chỉnh và cập nhật khung năng lực để đảm bảo tính phù hợp. Như vậy, quy trình này giúp đảm bảo rằng khung NLMT trong các HPHH được xây dựng một cách khoa học, hiệu quả và có tính linh hoạt cao, đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển chuyên môn của SV.

2.4. Đề xuất khung đánh giá năng lực Mĩ thuật trong các học phần Hình họa

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung kiểm tra, đánh giá của các HPHH (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2022), yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông (Bộ GD-ĐT, 2018), nghiên cứu của Vũ Dương Công và Chu Thị Kim Định (2022), chúng tôi đề xuất khung đánh giá NLMT của SV gồm 4 năng lực thành phần. Mỗi thành phần năng lực bao gồm các biểu hiện và mức độ đánh giá khác nhau. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chọn ba mức cho mỗi biểu hiện năng lực: M1- mức Đạt, M2- mức Khá, M3- mức Tốt. Việc mô tả các mức độ đánh giá thể hiện sự tăng dần về yêu cầu cần đạt của mỗi biểu hiện năng lực. Khung đánh giá NLMT trong các HPHH cụ thể như sau:

Bảng 1. Khung đánh giá NLMT môn học Hình họa

NLMT	Biểu hiện của NLMT	Mức độ đánh giá
1. Năng lực quan sát, phân tích, cảm thụ đối tượng mẫu vẽ, sản phẩm mẫu	Có kĩ năng quan sát cơ bản và sử dụng được một số kĩ năng quan sát phù hợp khi tiếp cận mẫu vẽ, sản phẩm mẫu	M1. Biết và lựa chọn được các vị trí phù hợp để quan sát đối tượng mẫu vẽ, sản phẩm minh họa. M2. Hình thành được các kĩ năng quan sát cơ bản khi tiếp cận đối tượng mẫu, sản phẩm mẫu ở các vị trí khác nhau. M3. Sử dụng được các kĩ năng quan sát phù hợp để tìm ra các đặc điểm của đối tượng mẫu, sản phẩm mẫu.
	Khả năng phân tích các yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình trên đối tượng mẫu, sản phẩm minh họa	M1. Xác định được các yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình trên đối tượng mẫu và sản phẩm minh họa. M2. Hiểu được quy trình cơ bản thực hiện một bài vẽ hình họa nói chung và quy trình cụ thể đối với từng bài trong mỗi HPHH nói riêng. M3. Rút ra được các kiến thức tạo hình qua việc quan sát, phân tích mẫu vẽ, minh họa.
	Cảm thụ và hình thành biểu tượng về cái đẹp của mẫu vẽ	M1. Nhận biết được đặc điểm chung, riêng nổi bật của mẫu vẽ và minh họa. M2. Nhận biết được cái đẹp và không đẹp của đối tượng mẫu và minh họa. M3. Xác định được các yếu tố đặc trưng, đúng và đẹp về cấu trúc hình thể, màu sắc, ánh sáng, đậm nhạt trên mẫu vẽ với không gian xung quanh.
2. Năng lực vận dụng thực hành sáng tạo sản phẩm (bài vẽ hình họa)	Sử dụng họa cụ, chất liệu phù hợp với yêu cầu của bài	M1. Lựa chọn được họa cụ, chất liệu vẽ phù hợp với yêu cầu của từng bài vẽ hình họa. M2. Sử dụng được các họa cụ, chất liệu vẽ khác nhau để thể hiện bài các vẽ hình họa. M3. Thể hiện được đặc tính của một số chất liệu vẽ trên các bài hình họa khác nhau.
	Lựa chọn bố cục, xây dựng hình, cấu trúc hình và tỉ lệ	M1. Hiểu được quy trình thực hiện một bài vẽ hình họa nói chung và quy trình thực hiện từng bài hình họa nói riêng. M2. Xây dựng được bố cục tổng thể, chi tiết cân đối theo từng vị trí đúng vẽ. M3. Tạo được hình tượng với cấu trúc hình chắc chắn, cân đối về tỉ lệ giữa các bộ phận.
	Khả năng vẽ đậm nhạt tạo khối, không gian, hoàn thiện bài vẽ	M1. Lên được sơ bộ hệ thống đậm nhạt cho các mảng hình và nền trên bài vẽ hình họa. M2. Đẩy sâu đậm nhạt ở một số mảng hình, chi tiết tạo chiều sâu không gian cho bài vẽ. M3. Nhấn mạnh, buông lơi đậm nhạt những khu vực cần thiết tạo sức hấp dẫn cho bài vẽ.
	Khả năng biểu đạt ý tưởng và cảm xúc qua bài vẽ hình họa	M1. Đưa ra được ý tưởng về nội dung, hình thức thể hiện bài vẽ hình họa M2. Đưa ra được một số phương án thể hiện ý tưởng phù hợp với yêu cầu của bài M3. Chọn được phương án phù hợp để biểu đạt ý tưởng và cảm xúc qua bài vẽ hình họa.
3. Năng lực phân tích, nhận xét đánh giá	Trao đổi, thảo luận về bài hình họa của mình của bạn	M1. Đưa ra được ý kiến liên quan đến yêu cầu của bài để trao đổi, thảo luận với bạn, giảng viên trong quá trình vẽ bài và nhận xét đánh giá bài hình họa. M2. Phân tích, thảo luận các vấn đề chuyên môn để tìm ra ưu, nhược điểm về xử lí kĩ thuật chất liệu, bút pháp và quy trình tạo nên bài vẽ. M3. Giải thích được các yếu tố, nguyên lí tạo hình theo tương quan tổng thể, chi tiết tạo nên hiệu quả cho bài vẽ.

kết quả thâm mĩ	Tự đánh giá sản phẩm theo định hướng tiêu chí của bài/môn học	M1. Chỉ ra được các ưu điểm và nhược điểm trên bài vẽ của mình và của bạn. M2. Phân loại được bài tốt, chưa tốt theo định hướng tiêu chí đánh giá. M3. Tự đánh giá được kết quả bài vẽ của mình của bạn theo tiêu chí của bài học.
	Phản hồi sản phẩm theo cách hiểu của cá nhân	M1. Nêu và giải thích được nguyên nhân của các lỗi trên bài hình họa của mình của bạn. M2. Đưa ra được hướng giải quyết các lỗi trên bài vẽ của mình của bạn. M3. Nhận định được nét riêng về tạo hình, kĩ thuật chất liệu qua bài vẽ của mình, bạn.
4. Ứng dụng kết quả thâm mĩ và tự học tự nghiên cứu.	Vận dụng kiến thức, kĩ năng về hình họa vào nghiên cứu, thực hành tạo sản phẩm các môn học chuyên ngành và trong dạy học	M1. Nêu được sự cần thiết của việc vận dụng kiến thức, kĩ năng về hình họa vào trong các môn học khác thuộc chuyên ngành SPMT. M2. Chỉ ra được một số cách vận dụng kiến thức, kĩ năng về hình họa vào trong nghiên cứu thực hành sáng tạo sản phẩm ở một số môn học khác thuộc chuyên ngành SPMT. M3. Lựa chọn và vận dụng được kiến thức, kĩ năng về hình họa vào trong quá trình nghiên cứu, thực hành sáng tạo sản phẩm của một số học phân khác thuộc chuyên ngành SPMT.
	Tích cực luyện tập vẽ hình họa. Tiếp nhận phản hồi góp ý chuyên môn từ thầy cô, bạn	M1. Sẵn sàng tiếp nhận các bài tập được giao. M2. Chủ động, tích cực luyện tập các bài tập được giao. M3. Sẵn sàng tiếp nhận phản hồi góp ý chuyên môn từ giảng viên và bạn để hoàn thiện các kĩ năng và bài vẽ của mình.

Từ khung đánh giá NLMT trong các HPHH, giảng viên có thể xây dựng tiêu chí đánh giá nội dung thi giữa hoặc cuối kì cho các HPHH. Ví dụ xây dựng tiêu chí đánh giá một bài thi thực hành vẽ hình họa tượng chân dung.

Nội dung đề thi: *Hãy thực hiện một bài vẽ hình họa đầu tượng chân dung nam, độ tuổi trung niên. Chất liệu: bút chì đen vẽ trên giấy trắng Croki. Kích thước bài vẽ: 40cm x 60cm. Thời gian làm bài: 8 tiết.*

Bảng 2. Bảng tiêu chí đánh giá NLMT HPHH cơ bản

Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá			
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4
Xây dựng bố cục tổng thể (1,5 điểm)	Hình vẽ tượng chân dung được sắp xếp không cân đối trên bài vẽ. Thiếu tính kết nối hình, mảng giữa các bộ phận (từ 0-0,75 điểm).	Toàn bộ hình vẽ tượng chân dung được sắp xếp tương đối cân đối trên bài vẽ, kết nối giữa các bộ phận của mẫu tương đối hợp lí (từ 0,75-1,0 điểm).	Hình vẽ tượng chân dung được sắp xếp cân đối trên bài vẽ, tạo được sự kết nối một số bộ phận của tượng tương đối hợp lí (từ 1,0-1,25 điểm).	Hình vẽ tượng chân dung được sắp xếp cân đối, hợp lí trên bài vẽ, có sự kết nối giữa các phần phù hợp với góc vẽ tạo nên tổng thể hài hòa với nền xung quanh (từ 1,25-1,5 điểm).
Điểm đạt				
Cấu trúc hình, tỉ lệ, dáng (2,0 điểm)	Thể hiện chưa đúng tương quan tỉ lệ chung, tỉ lệ riêng về hình của từng bộ phận tượng chân dung (từ 0-1,0 điểm).	Bước đầu thể hiện được đặc điểm, tương quan tỉ lệ chung về hình giữa các bộ phận tượng chân dung (từ 1,0-1,25 điểm).	Thể hiện được một phần đặc điểm cấu trúc hình, dáng của tượng mẫu và tương quan tỉ lệ chung giữa các phần (từ 1,25-1,75 điểm).	Thể hiện được đặc điểm cấu trúc hình, dáng của tượng mẫu và tương quan tỉ lệ chung, riêng giữa các phần (từ 1,75-2,0 điểm).
Điểm đạt				
Đậm nhạt, khối, không gian (2,0 điểm)	Chưa thể hiện được tương quan đậm nhạt trên toàn bộ hình vẽ và nền (từ 0-1,0 điểm).	Thể hiện được sơ bộ tương quan đậm nhạt tổng thể giữa hình vẽ tượng mẫu và nền (từ 1,0-1,25 điểm).	Thể hiện được tương quan đậm nhạt tổng thể, chi tiết. Bước đầu tạo được khối và chiều sâu không gian trên bài vẽ (từ 1,25-1,75 điểm).	Thể hiện được đậm nhạt tổng thể, chi tiết hài hòa với nền xung quanh. Tạo được khối và chiều sâu không gian trên bài vẽ (từ 1,75-2,0 điểm).
Điểm đạt				
Bút pháp, tả chất (1,5 điểm)	Thiếu chủ động, trong việc sử dụng nét để tạo hình, tạo đậm nhạt, tạo chất (từ 0-0,75 điểm).	Chưa chủ động, linh hoạt trong việc sử dụng nét để vẽ hình, tạo đậm nhạt, tạo chất (từ 0,75-1,0 điểm).	Chủ động sử dụng nét để vẽ hình, mảng, đậm nhạt. Bước đầu tạo được độ trắng sáng chất liệu thạch cao (từ 1,0-1,25 điểm).	Linh hoạt, chủ động sử dụng nét để vẽ hình, mảng, đậm nhạt, tạo được sự trong trẻo, trắng sáng của chất liệu thạch cao (từ 1,25-1,5 điểm).
Điểm đạt				
Sử dụng họa cụ và xử lí kĩ thuật chất liệu (1,5 điểm)	Sử dụng được một loại bút chì trong xử lí nét, chưa tạo được độ đậm nhạt giữa các vùng sáng tối, trung gian (từ 0-0,75 điểm).	Chưa linh hoạt sử dụng bút chì trong xử lí nét tạo sự chuyển tiếp sắc độ giữa các vùng sáng tối, trung gian, chưa tạo được điểm nhấn cần thiết (từ 0,75-1,0 điểm).	Sử dụng tương đối linh hoạt các loại bút chì trong xử lí nét tạo chuyển tiếp sắc độ giữa các vùng sáng tối, trung gian, điểm nhấn, bóng các chi tiết (từ 1,0-1,25 điểm).	Sử dụng linh hoạt các loại bút chì trong xử lí nét tạo chuyển tiếp sắc độ giữa các vùng sáng tối, trung gian, điểm nhấn, bóng các chi tiết (từ 1,25-1,5 điểm).

Điểm đạt				
Biểu đạt ý tưởng và cảm xúc (1,5 điểm)	Chưa biểu đạt được ý tưởng của cá nhân về nội dung, hình thức và cảm xúc trong xử lý chất liệu chì trên bài vẽ (từ 0-0,75 điểm).	Biểu đạt chưa rõ ràng ý tưởng của cá nhân về nội dung hoặc hình thức và cảm xúc trong xử lý chất liệu chì trên bài vẽ (từ 0,75-1,0 điểm).	Biểu đạt được một phần ý tưởng của cá nhân về nội dung hoặc hình thức và cảm xúc qua việc xử lý chất liệu chì trên bài vẽ (từ 1,0-1,25 điểm).	Biểu đạt được ý tưởng của cá nhân về nội dung, hình thức và cảm xúc qua việc xử lý chất liệu chì trên bài vẽ (từ 1,25-1,5 điểm).
Điểm đạt				
Tổng điểm				

Hướng dẫn đánh giá: Mức 1: Không đạt, từ 0 điểm đến dưới 5 điểm; Mức 2: Đạt, từ 5 điểm đến dưới 7 điểm; Mức 3: Khá, từ 7 điểm đến dưới 8,5; Mức 4: Giỏi, từ 8,5 điểm đến 10 điểm.

3. Kết luận

NLMT là một trong những năng lực quan trọng của chuẩn đầu ra của SV ngành SPMT. NLMT được hình thành trong các HPHH là một trong sáu năng lực thuộc năng lực ngành SPMT. Xây dựng khung đánh giá NLMT trong các HPHH là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng dạy và học Hình họa, đồng thời cũng đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra của SV theo chương trình giáo dục đại học đã ban hành. Dựa vào khung đánh giá, giảng viên xây dựng các tiêu chí phù hợp với các HPHH nhằm đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong đánh giá SV, tạo động lực và mục tiêu cho người học, thúc đẩy SV có ý thức cải thiện kỹ năng và hiệu suất học tập của mình, ngoài ra còn cung cấp thông tin phản hồi khách quan, kịp thời về mức độ đạt được năng lực này của SV. Sự phản hồi này giúp giảng viên điều chỉnh quá trình tổ chức dạy học và SV có thể tự điều chỉnh quá trình rèn luyện NLMT cho bản thân, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật 2018.

Lời cảm ơn: Bài báo là sản phẩm sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài “Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực mỹ thuật của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong dạy học các học phần Hình họa”, mã số: SPHN23-19.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Eisner, E. W. (2010). The National Assessment in the Visual Arts. *Arts Education Policy Review*, 100(6), 16-20.
- Hoàng Thị Chiên (2019). Xây dựng khung năng lực dạy học STEM cho sinh viên Sư phạm Hóa học đáp ứng yêu cầu đổi mới đào tạo giáo viên hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, 08(2), 89-94.
- Hsiao-Ying M. (2022). Establishing assessment criteria and breakthrough points for drawing ability. *Arte, Individuo y Sociedad*, 34(3), 1087-1111. <https://doi.org/10.5209/aris.77140>
- Lê Thanh Hà (2021). Xây dựng khung năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong dạy học sinh phổ thông theo định hướng giáo dục STEM. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 66(4G), 192-201.
- Mindy, A. (2023). *Assessment in Art Education: Exploring Strategies to Support Student Learning*. Art 895 Research Papers. 2. <https://openspaces.unk.edu/art-etd-895/2>
- Nguyễn Thị Hồng Thắm, Phạm Thị Nụ, Phạm Đình Bình (2024). Đề xuất xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực mỹ thuật cho học sinh lớp 6 trong dạy học Mỹ thuật. *Tạp chí Giáo dục*, 24(5), 23-28.
- Phạm Đình Bình (chủ biên), Nguyễn Tuấn Khoa, Nông Tiến Dũng (2021). *Giáo trình Hình họa cơ bản 1*. NXB Đại học Sư phạm.
- Schönau, S. (2024). Toward a Definition of Competency in Art Education. *Journal of Aesthetic Education*, 57(4), 76-97.
- Triệu Khắc Lễ (2004). *Giáo trình hình họa*. Dự án Đào tạo giáo viên trung học cơ sở - LOAN - VIE (SF). NXB Đại học Sư phạm.
- Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam - Viện Mỹ thuật (2010). *Hình họa trong đào tạo mỹ thuật*. NXB Mỹ thuật.
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2022). *Chương trình giáo dục đại học, ngành Sư phạm Mỹ thuật* (ban hành kèm theo Quyết định số 6122/QĐ-ĐHSPHN ngày 27/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).
- Vũ Dương Công, Chu Thị Kim Định (2022). Hình họa trong đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực Mỹ thuật và Kiến trúc. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hòa Bình*, 03, 67-72.